

**TÒA ÁN NHÂN DÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Thịnh;
2. Bà Quách Thị Lùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc V; sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm 5, xã A, huyện B, tỉnh C.

Bị đơn: Chị Vũ Thị T; sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, xã A, huyện B, tỉnh C.

Nơi tạm trú: Xóm L, xã D, huyện B, tỉnh C.

Tại phiên tòa có mặt anh V và chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2017, bản tự khai ngày 24/01/2018, các V bản khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc V trình bày trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị T tự do tự nguyện tìm hiểu, quyết định kết hôn với nhau và được UBND xã A, huyện B, tỉnh C cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận

được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Anh và chị T sống ly thân kể từ khi chị T bỏ về nhà mẹ đẻ từ ngày 19/9/2017 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị T.

Về con: Anh V trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phúc Khánh N sinh ngày 19/10/2014, hiện nay cháu N đang ở với anh. Nguyên vọng của anh khi ly hôn là được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản riêng, tài sản chung, ruộng nhận khoán của HTX, công nợ: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, phiên hòa giải ngày 10/4/2018 và tại phiên tòa, bị đơn chị Vũ Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc V tự do tự nguyện tìm hiểu, quyết định kết hôn với nhau và được UBND xã A, huyện B, tỉnh C cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không quan tâm, chăm sóc chị, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, xảy ra tranh cãi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 07 năm 2017 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh Nguyễn Ngọc V xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí.

Về con: Chị T trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phúc Khánh N sinh ngày 19/10/2014. Nguyên vọng của chị là được nuôi con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng nhận khoán của hợp tác xã nông nghiệp: Chị T trình bày ý kiến vợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc V yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với chị Vũ Thị T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, xã A, huyện B, tỉnh C; Nơi tạm trú: Xóm

L, xã D, huyện B, tỉnh C. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc V và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B ngày 09 – 01 – 2014 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng của anh V xin ly hôn chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phúc Khánh N sinh ngày 19/10/2014, anh V và chị T đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên, cháu N là con gái mới chỉ hơn 36 tháng tuổi, vì vậy để thuận tiện cho việc chăm sóc và điều kiện phát triển tốt nhất, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Nguyễn Phúc Khánh N cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi đủ khả năng lao động tự lập được, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung; ruộng khoán HTX nông nghiệp cũng như các mối quan hệ khác về tài sản các đương sự đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc V phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử lý hôn giữa Anh Nguyễn Ngọc V và chị Vũ Thị T.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Phúc Khánh N sinh ngày 19/10/2014. Anh Nguyễn Ngọc V không phải cấp dưỡng

nuôi con chung. Anh Nguyễn Ngọc V và chị Vũ Thị T có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Ngọc V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 07750 ngày 11 tháng 01 năm 2018.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc V và chị Vũ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận với nhau về việc thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Đường sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Quốc Tuấn